

Số: 4927/UBND-GD
V/v báo cáo theo Công văn
số 1593/UBND-VHXH, ngày 19/6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Hạ Long, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện Công văn số 1593/UBND-VHXH, ngày 19/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chỉ đạo xây dựng “Cộng đồng học tập” và đăng ký tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” do UNESCO điều hành, Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long báo cáo kết quả rà soát, thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng thành phố học tập toàn cầu do UNESCO điều hành, theo Công văn số 86/BGDĐT- GDTX, ngày 08/01/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

1. Quá trình triển khai

1.1. Về công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

Trong các năm 2021, 2022, 2023, UBND thành phố đã chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ xây dựng Thành phố học tập (ban hành văn bản; rà soát tiêu chí; báo cáo đánh giá).

- Năm 2023 đã tổng hợp, đánh giá, trong đó đạt 50/57 chỉ số; còn 07 chỉ số chưa đạt¹.

- Năm 2024: Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tỉnh², Thành phố Hạ Long đã triển khai:

+ Công văn số 834/UBND-GD, ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá, cung cấp số liệu đăng ký tham gia mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu của Unesco.

+ Quyết định số 2300/QĐ-UBND, ngày 05/3/2024 về Thành lập tổ công tác theo dõi, tham mưu triển khai xây dựng thành phố Hạ Long trở thành “Thành phố học tập” và tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” của Unesco.

+ Kế hoạch số 200/KH-UBND, ngày 10/4/2024 về triển khai xây dựng thành

¹ 1. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người gấp 1,5 lần so với GDP cả nước. 2. Số vụ tai nạn giao thông giảm so với năm trước. 3. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm có giấy phép vệ sinh an toàn thực phẩm. 4. 100% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia. 5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3. 6. Số xã, phường đều có thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ hoạt động hiệu quả (theo tiêu chí hoặc qui định hiện hành) đạt 50% trở lên. 7. Toàn thành phố được phủ sóng Wifi miễn phí

² Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 05/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023- 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 30/10/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững; Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy số 1227-TB/TU, ngày 04/5/2024 về tình hình thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X); Nghị quyết số 77-NQ/TU, ngày 12/12/2023 của Thành ủy Hạ Long về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024,...

phố Hạ Long trở thành “Thành phố học tập” và tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” của Unesco (kèm theo biểu xây dựng lộ trình, phân công nhiệm vụ thực hiện cho các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường). Các tiêu chí, chỉ số được giao cho 15 phòng, ban, đơn vị, 33 xã, phường đánh giá.

+ Công văn số 3212/UBND, ngày 02/5/2024 về triển khai các nhiệm vụ xây dựng thành phố Hạ Long trở thành “Thành phố học tập” và tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” của Unesco (trong đó tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, thông tin báo cáo; thành lập tổ (bộ phận thường trực) và đầu mối liên hệ của các cơ quan, đơn vị. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học thành phố đôn đốc, tổng hợp báo cáo tháng, quý, năm và các minh chứng).

- Các phòng, ban chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Phòng GD&ĐT- cơ quan Thường trực triển khai, ban hành: Công văn số 726/GD-ĐT, ngày 20/5/2024 V/v báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ triển khai xây dựng Thành phố Hạ Long trở thành Thành phố học tập và tham gia Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO về. Đồng thời hướng dẫn biểu báo cáo, làm mã minh chứng cho các đơn vị thuận tiện trong công tác triển khai, tổng hợp.

- Bên cạnh đó, sau Hội nghị sơ kết của Thành phố thực hiện Kết luận 49-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, UBND thành phố chỉ đạo Phòng GD&ĐT phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành uỷ tham mưu dự thảo Thông báo Kết luận của BTV Thành uỷ để triển khai, trong đó có nội dung chỉ đạo về xây dựng Thành phố học tập toàn cầu.

1.2. Về công tác tuyên truyền

Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền, các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường và phối hợp các tổ chức chính trị- xã hội tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nhận thức sâu sắc về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; tuyên truyền để mọi người dân nhận thức được các cơ hội, lợi ích khi tham gia mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu của UNESCO (cơ hội mở rộng hiểu biết, nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, chuyên môn của UNESCO trên cộng đồng quốc tế, nâng tầm phát triển của thành phố, thu hút đầu tư nhân lực, phát triển thịnh vượng và bền vững; thiết thực nâng cao chất lượng đời sống kinh tế- văn hoá tinh thần, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho mỗi người dân đến tận những vùng sâu, vùng xa...).

Ngày 16/4/2024, UBND thành phố phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội nghị tham vấn “Xây dựng mô hình thành phố học tập toàn cầu”. Sau Hội nghị tiếp tục quán triệt, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và lộ trình, mục tiêu thực hiện.

1.3. Kết quả rà soát, tổng hợp

UBND thành phố triển khai, bám sát Công văn số 86/BGDĐT-GDĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ GDĐT về V/v hướng dẫn đăng ký tham gia Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO. Qua rà soát, tổng hợp đến nay:

- Chỉ số đạt: 51/57;
- Chỉ số chưa đạt: 03/57 (Bao gồm: Chỉ số 19 (100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm có giấy phép vệ sinh ATTP); Chỉ số 20 (100% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia); Chỉ số 38 (toàn Thành phố được phủ sóng Wifi miễn phí);
- Chỉ số chưa tổng hợp được số liệu đánh giá: 01/57 (Chỉ số 18: Tỷ lệ người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng tăng hàng năm);
- Chỉ số được đánh giá theo cấp Tỉnh, Bộ: 02/57 (Chỉ số 06: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người gấp 1,5 lần so với GDP cả nước; Chỉ số 14: Lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính giảm so với năm trước).

(có biểu thống kê đánh giá các chỉ số kèm theo)

2. Một số khó khăn

Năm 2020, huyện Hoàn Bò và Thành phố Hạ Long sáp nhập, đưa thành phố Hạ Long sau sáp nhập trở thành đơn vị hành chính cấp huyện lớn nhất cả nước với trên 1.100 km² và 33 phường, xã. Do ranh giới được mở rộng, Hạ Long có các xã thuộc vùng miền núi, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều hạn chế, dân số chủ yếu là người dân tộc thiểu số nên còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội; khu vực thành thị dân số cơ học tăng nhanh, di biến động dân cư lớn, qua đó ảnh hưởng tới một số tiêu chí, chỉ số xây dựng Thành phố học tập, cụ thể:

- Số hộ sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia chưa đạt tiêu chí;
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa cao, chưa đạt tiêu chí phủ sóng wifi miễn phí toàn thành phố.
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm có giấy phép vệ sinh an toàn thực phẩm: Hiện nay một số cơ sở do di biến động, hoạt động theo mùa vụ nên khó khăn trong việc kiểm soát, cấp giấy giấy phép vệ sinh an toàn thực phẩm (chỉ số này mới chỉ đạt 87%).
- Các xã, phường đều có nhà văn hóa, câu lạc bộ thường xuyên triển khai hoạt động; tuy nhiên các xã phường không có thư viện riêng, chỉ có tủ sách Pháp luật, tủ sách báo hằng ngày. Hiện nay trên địa bàn thành phố chỉ có 01 thư viện thành phố.
- Thành phố Hạ Long có địa bàn rộng, địa hình phức tạp, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, nơi xa trung tâm nhất lên đến trên 70 km, mật độ dân cư phân bố không đều giữa các vùng miền. Ở nội thành số dân cư đông, điều kiện sinh hoạt kinh tế cao, số hộ dân chuyển đến tăng nhanh hàng năm, gây khó khăn cho công tác phân vùng tuyển sinh, ảnh hưởng lớn đến công tác phổ cập giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Còn một số xã, phường mức sống và nhận thức của một bộ phận người dân chưa cao, lao động, việc làm chưa ổn định nên các bậc cha mẹ chưa quan tâm nhiều đến điều kiện học tập của con em mình (các xã Đồng Sơn, Đồng Lâm, Kỳ Thượng, Vũ Oai, Hòa Bình, Tân Dân...).

3. Giải pháp, nhiệm vụ thời gian tiếp theo

3.1. Về lộ trình: Bám sát tiến độ, kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Các thành viên Tổ công tác, đầu mối thường trực các cơ quan, đơn vị, xã, phường: tổ chức vận hành thường xuyên, bảo đảm tiết độ và kết quả theo lộ trình, kế hoạch; tổng hợp báo cáo, minh chứng.

- Trong tháng 6, tháng 7/2024:

+ Triển khai các nhiệm vụ xây dựng Xã hội học tập, trọng tâm triển khai các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 24 về đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp huyện, tỉnh; Thông tư 25 về đánh giá, công nhận Cộng đồng học tập cấp xã, huyện, tỉnh);

+ Kiểm tra Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã.

+ Chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện cho khảo sát, đánh giá các tiêu chí, chỉ số Thành phố học tập toàn cầu.

+ Phối hợp với Sở GD&ĐT, Hội Khuyến học Tỉnh triển khai các nội dung xây dựng Thành phố học tập, lựa chọn chuyên gia (hoặc đơn vị) tư vấn; soạn thảo, biên tập và từng bước hoàn thiện hồ sơ.

- Tháng 8: Tổ chức khảo sát thực tế;

- Tháng 9:

+ Đánh giá kết quả sau khảo sát; tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện nội dung (Hoàn thiện tiêu chí, chỉ số chưa đạt; nâng cao chất lượng chỉ số đã đạt; làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến tới các cấp, ngành, cơ quan, tổ chức; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn thành phố được biết, thực hiện).

+ Hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/9/2024 (theo văn bản số 1431/UBND-VHXXH, ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh v/v chỉ đạo tăng cường triển khai công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh).

- Từ tháng 10/2024 đến thời điểm nộp Đơn đăng ký: Tiếp tục hoàn thiện nội dung, hồ sơ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chí, chỉ số chưa đạt, chưa được đánh giá và tiêu chí cần đề nghị cấp trên cung cấp số liệu đánh giá:

* **Chỉ số chưa đạt:** 03/57

(1) Chỉ số 19 (100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm có giấy phép vệ sinh ATTP). **Hiện mới đạt 87%, do các cơ sở hoạt động, di biến động theo mùa).**

Giải pháp thực hiện:

- Nâng cao năng lực và chất lượng quản lý nhà nước về ATTP cho cán bộ quản lý, chuyên môn làm công tác ATTP trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành thành viên Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm, đặc biệt trong công tác kiểm tra. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, phát hiện xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, tẩy chay và lựa chọn sử dụng thực phẩm an toàn.

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến về hành vi ATTP trong cộng đồng, đẩy mạnh xã hội hóa về công tác ATTP.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở thực phẩm; tăng tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm an toàn theo quy định.

(2) Chỉ số 20 (100% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia).

Hiện mới đạt 93,6%.

Giải pháp hoàn thiện:

- Quan tâm đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước tập trung.

- Đầu tư các hệ thống cấp nước có công suất nhỏ cho các khu vực chưa có mạng lưới nước máy/sạch.

- Quan tâm về công tác kiểm tra, giám sát, lấy mẫu thử nghiệm chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn theo quy định.

(3) Chỉ số 38 (toàn Thành phố được phủ sóng Wifi miễn phí).

Giải pháp hoàn thiện:

Hiện nay Thành phố đã lắp đặt 123 điểm wifi miễn phí, trong đó có 107 điểm tại các phường và các điểm du lịch đông dân cư, khách du lịch trên địa bàn và 16 điểm tại các khu vực đông dân cư của 12 xã, đảm bảo 100% địa bàn các xã phường đều được phủ wifi miễn phí tại các khu trung tâm, khu du lịch... Tiếp theo Thành phố tiếp tục nghiên cứu, đầu tư lắp đặt để tăng diện phủ sóng Wifi trên địa bàn.

* **Chỉ số chưa tổng hợp được số liệu đánh giá:** 01/57 (Chỉ số 18: Tỷ lệ người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng tăng hàng năm.

Giải pháp hoàn thiện: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thống kê số liệu.

* **Chỉ số được đánh giá theo cấp Tỉnh, Bộ:** 02/57

(1) Chỉ số 06: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người gấp 1,5 lần so với GDP cả nước: Do thực hiện theo Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc HTCT thống kê quốc gia, Tổng cục Thống kê biên soạn số liệu GRDP quý, năm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số liệu chính thức cả năm và theo

quý của năm báo cáo sẽ công bố ngày 29/9 của năm thứ 2 kế tiếp theo năm báo cáo. Cấp huyện không tính chỉ tiêu này.

(2) Chỉ số 14: Lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính giảm so với năm trước:

Chỉ số này chưa đánh giá do Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó quy định các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành có trách nhiệm: xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần; kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở. **Tuy nhiên**, hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì, xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06, đang lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương, UBND các địa phương, theo đó các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính chưa có hướng dẫn để thực hiện kê khai. UBND thành phố tiếp tục phối hợp để có thông tin, chỉ số theo bộ tiêu chí.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Sở GD&ĐT, Hội Khuyến học tỉnh tiếp tục phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo ngành dọc triển khai và hoàn thiện các nội dung. Phối hợp kết nối Bộ GD&ĐT, Trung ương Hội Khuyến học và văn phòng đại diện Unesco, tranh thủ sự hướng dẫn chuyên môn, khảo sát, đánh giá và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận TP HTTC.

- Tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp cung cấp một số chỉ số thuộc nội dung: Chỉ số 06: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người gấp 1,5 lần so với GDP cả nước; Chỉ số 14: Lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính giảm so với năm trước.

Trên đây là kết quả triển khai, rà soát thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng thành phố học tập toàn cầu do UNESCO điều hành, theo Công văn số 86/BGDĐT-GDTEX, ngày 08/01/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sơn

Biểu đánh giá các tiêu chí, chỉ số
(Kèm công văn số 4927/UBND-GD, ngày 24 tháng 6 năm 2024
của UBND thành phố)

STT	Nội dung chỉ báo	Đơn vị phụ trách	Đạt	Chưa đạt	Tỉ lệ % (Tính đến tháng 5/2023)	Tỉ lệ % (Tính đến thời điểm hiện tại)
1	Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 đạt $\geq 95\%$	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		99,72%	99,77%
2	Số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại $\geq 90\%$	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		100%	100%
3	70% công dân tham gia vào các hoạt động chung của tổ dân phố	UBND các phường, xã	x		100%	100%
4	Đảm bảo 50% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể của thành phố có nữ tham gia quản lý	Phòng Nội vụ			Đạt	Đạt
5	Đảm bảo tỷ lệ cân bằng giữa nam và nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp	Phòng Nội vụ			Đạt	Đạt
6	Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người gấp 1,5 lần so với GDP cả nước.	Chi cục thống kê; Phòng Tài Chính – Kế hoạch				Cấp TP không tính GDP
7	Tỷ lệ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều không quá 10%	Phòng LĐTĐ&XH	x		Đạt	0%
8	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (theo quy định hiện hành) không quá 5%	Phòng LĐTĐ&XH	x		1%	1,54% (tính đến cuối năm 2023 theo số liệu khảo sát số người nộp hồ sơ hưởng chế độ BHTN tạm thời

						<i>tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ninh)</i>
9	50% dân cư thường xuyên tham gia vào các hoạt động văn hóa- văn nghệ, vui chơi- giải trí và thể dục – thể thao	Phòng Văn hóa-Thông tin	x			50%
10	Số lượng kinh phí cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tăng so với năm trước	Phòng Kinh tế	x		Đạt	Đạt
11	Số sản phẩm nghiên cứu khoa học và sản phẩm đăng ký giải pháp hữu ích/sáng chế được thực hiện tăng so với năm trước	Phòng Kinh tế	x		Đạt	Tăng 01 (Năm 2022 Thành phố ko có đề tài nghiên cứu lĩnh vực KHCN; Năm 2023 có 01 đề tài
12	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định đạt 60%	Phòng Tài nguyên- Môi trường	x		Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom xử lý chất thải rắn khu vực đô thị 99%; - Thu gom rác thải thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại các điểm có hoạt động du lịch, dịch vụ ở các xã đạt 97,5% - Thu gom xử lý chất thải rắn xây dựng ở đô thị đạt 98,5%, chất thải y tế 100%. - Xử lý nước thải đạt 49,78%
13	70% đường phố đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp	Phòng Tài nguyên - Môi trường			80%	80%

14	Lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính giảm so với năm trước	Phòng Tài nguyên - Môi trường				Đánh giá của cấp trên
15	Tỷ lệ dân cư sống ở các khu nhà tạm không quá 5%	- Phòng LĐTĐ-XH - Phòng Quản lý đô thị	x			TP Hạ Long không có nhà tạm
16	Số vụ tai nạn giao thông giảm so với năm trước	Ban ATGT	x		Đạt	Đạt: Giảm So với cùng kỳ năm 2022, số vụ tai nạn giao thông giảm 20,83% tương ứng 05 vụ(19/24 vụ)
17	Tình trạng ùn tắc giao thông ngày càng được hoàn thiện	- Phòng Quản lý đô thị - Ban ATGT	x			Giảm so năm trước
18	Tỷ lệ người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng tăng hàng năm	- Ban ATGT - Phòng Quản lý đô thị				Chưa tổng hợp được kết quả
19	100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm có giấy phép vệ sinh an toàn thực phẩm	Phòng Y tế		x		87%
20	100% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia	- Phòng Y tế - Phòng Kinh tế		x	92%	93,65%
21	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		100%	100%

22	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		100%	100%
23	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		93,3%	100%
24	Số thanh niên từ 18-24 tuổi được tiếp cận giáo dục Đại học đạt 35% trở lên	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		37,5%	37,5%
25	Số người từ 25-60 tuổi có tham gia học tập/ đào tạo đạt 50% trở lên	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		65%	65%
26	Số trẻ thuộc nhóm đối tượng thiệt thòi được học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục đạt 70% trở lên	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		80%	80%
27	Số xã, phường có Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả (theo tiêu chí hiện hành) đạt 50% trở lên	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		50%	91%
28	Số xã, phường đều có thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ hoạt động hiệu quả (theo tiêu chí hoặc qui định hiện hành) đạt 50% trở lên Phòng VH-TT	Phòng Văn hóa- Thông tin	x		50%	50%
29	Số gia đình đạt “Gia đình học tập” đạt 90% trở lên	Hội Khuyến học	x		92%	98%
30	Số thôn/bản/tổ dân phố đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập” đạt 80% trở lên	Hội Khuyến học	x		82%	100%
31	Số cơ sở thuộc xã quản lý (Cơ quan, trường học, Đơn vị, Doanh nghiệp, lực lượng vũ trang..) đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” đạt 50% trở lên	Hội Khuyến học	x		85%	92%

32	Hàng năm có tối thiểu 70% số xã được đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã từ loại khá trở lên (theo Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT)	Phòng Giáo dục- Đào tạo	x		100%	100%
33	Tỷ lệ người lao động được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề đạt 80% trở lên trong đó ½ là nữ	Phòng Lao động –TB-XH	x		89,2%	90,43% Nữ: 46,5%
34	Doanh nghiệp có khoản ngân sách để hỗ trợ người lao động được học tập tại nơi làm việc	- Phòng Lao động-TB-XH - LĐLĐ TP	x			- KV nhà nước: 95%- - KV tư nhân: 85 %
35	Tỷ lệ thanh niên thất nghiệp không quá 3% tổng số thanh niên trong độ tuổi từ 15-24	Phòng Lao động-TB-XH	x		0,5%	Dưới 1%
36	Tỷ lệ người thất nghiệp được tham gia các chương trình đào tạo việc làm khác đạt 50% trở lên	Phòng Lao động-TB-XH	x		70%	85%
37	100% cán bộ quản lý, giáo viên được Tập huấn Công nghệ thông tin	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		100%	100%
38	Toàn thành phố được phủ sóng Wifi miễn phí	Phòng Văn hóa – Thông tin		x		87%
39	100% nhà trường chính quy và cơ sở giáo dục thường xuyên được trang bị máy tính có nối mạng Internet	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		100%	100%
40	80% giáo viên sử dụng CNTT trong giảng dạy ở nhà trường và ở các địa điểm học tập cộng đồng	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		100%	100%
41	70% người dân sử dụng điện	Phòng Văn hóa – Thông	x		80%	95%

	thoại di động	tin				
42	60% người dân sử dụng internet tại gia đình hoặc nơi công cộng	Phòng Văn hóa – Thông tin	x		85%	92%
43	100% trường phổ thông có thành lập Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học và Hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và thực hiện các dự án khoa học kỹ thuật gắn với thiết kế các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEAM) trong GDPT hiện hành.	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		100%	100%
44	50% trong tổng số người đã tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề cơ bản cần thiết tối thiểu trong cuộc sống	- Phòng Nội vụ - Phòng Giáo dục –Đào tạo - TTHTCĐ các phường, xã	x		75%	75%
45	100% cán bộ quản lý trường học và giáo viên đạt chuẩn theo quy định.	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		100%	100%
46	100% người học hài lòng với môi trường học tập của mình	- Phòng Giáo dục –Đào tạo - TTHTCĐ các phường, xã	x		100%	100%
47	Có tổ chức các sự kiện và sử dụng các phương tiện thông tin để tuyên truyền về học tập suốt đời	- Phòng Giáo dục –Đào tạo - UBND các phường, xã	x			Đạt
48	Người dân được cung cấp	- UBND các	x			Đạt

	đầy đủ thông tin và các cơ hội đa dạng để tham gia học tập suốt đời	xã, phường - TTHTCĐ xã, phường				
49	Sự cam kết xây dựng “Thành phố học tập” của lãnh đạo (cấp ủy, chính quyền thành phố có quyết tâm và cam kết mạnh mẽ đối với việc đầu tư xây dựng thành phố học tập).	Ban Tuyên giáo Thành ủy	x		Đạt	Đạt
50	Hoạch định và triển khai chiến lược thúc đẩy học tập suốt đời cho tất cả mọi người (Thành phố ban hành các văn bản, chính sách, chiến lược thúc đẩy việc học tập suốt đời cho mọi người dân)	- Ban Tuyên giáo thành ủy - Phòng Giáo dục –Đào tạo	x		Đạt	Đạt
51	Giám sát tiến độ xây dựng thành phố học tập (Có biện pháp quản lý, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc xây dựng thành phố học tập theo định kỳ)	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x			Đạt
52	Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các phòng, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp (Có các biện pháp khuyến khích sự tham gia và phối hợp của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp để xây dựng thành phố học tập).	Phòng Giáo dục –Đào tạo	x			Đạt
53	Các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp cơ hội học tập có chất lượng cho mọi công dân trong thành phố (Các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các doanh	Phòng Lao động –TB- XH	x			Đạt

	nghiệp cam kết tạo các cơ hội học tập cho mọi người trong thành phố hoặc cho hội viên, công nhân của mình về lĩnh vực mà mình phục trách)					
54	Tăng cường đầu tư tài chính của thành phố đối với học tập suốt đời (% ngân sách đầu tư cho giáo dục, tỷ lệ phân bổ cho giáo dục chính quy, giáo dục không chính quy, giáo dục trẻ em và giáo dục người lớn)	- Phòng Giáo dục –Đào tạo - Phòng Tài chính- Kế hoạch	x		15%	38%
55	Có chính sách hỗ trợ cá nhân thiết thời (dành kinh phí và sử dụng hiệu quả để hỗ trợ các nhóm thiết thời tham gia học tập)	- Phòng Giáo dục – Đào tạo - Phòng Tài chính- Kế hoạch - Phòng LĐ-TB-XH	x			Đạt
56	Khuyến khích công dân đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm (tỷ lệ người dân tham gia đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết của mình cho người khác)	- UBND các xã, phường - TTHTCĐ xã, phường	x			Đạt
57	Khuyến khích trao đổi ý tưởng giữa các thành phố (Thúc đẩy và tận dụng các cơ hội hợp tác, giao lưu với các thành phố học tập khác)	- Văn phòng HĐND-UBND - Phòng Giáo dục –Đào tạo	x			Đạt